

Chiến sĩ áo vàng

* Thích Như Điển

Người xuất gia từ ngàn xưa cho đến ngày nay, dầu Nam Tông hay Bắc Tông, dầu Tây Tạng hay Việt Nam, dầu Đại Hàn hay Nhật Bản v.v... khi hành trì những nghi lễ truyền thống, đa phần hay đắp y vàng. Đây là một lễ phục rất trang nghiêm khi đứng trước Đại Tăng và quần chúng Phật Tử.

Chiếc y ấy đã được Đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni sau khi thành đạo, một hôm Ngài đứng trên núi Kê Túc nhìn xuống những thửa ruộng thấy nông dân đang cày cấy, Ngài nảy ra ý định chế ra pháp phục cho chư Tăng, dùng những miếng vải dư thừa, đan bện, nối kết lại thành những ô hình chữ nhật dài ngắn khác nhau, giống như những thửa ruộng kia, để cho người Cư sĩ tại gia có cơ hội gieo trồng hạt giống phước vào cánh đồng ruộng mệnh mông vô tận ấy. Kể từ đó trở đi, hình ảnh chiếc y vàng gồm nhiều mảnh ráp nối lại đã trở thành một hình ảnh khó quên đối với quần chúng người Ấn Độ vào mỗi buổi sáng mai, chư Tăng Ni đi vào thành khát thực và cũng kể từ đó Phật Giáo được truyền qua các xứ Nam phương rồi Bắc phương... đến đâu Phật Giáo cũng phải khế nhập vào phong tục và tập quán từng vùng; nên chiếc y vàng kia lại có nhiều sự thay đổi tiếp theo đó.

Độc Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (bản chữ Việt) phần kinh Trường A Hàm chúng ta thấy ngay những hình ảnh ban đầu này và dễ nhận biết công việc hằng ngày của Đức Thế Tôn cũng như của các vị Đệ Tử xuất gia của Ngài. Từ sáng tinh mơ Ngài và Đại Chúng đã tĩnh tọa đầu đó nơi Tịnh Thất hay nơi Vườn Xoài của một tín chủ. Rồi Ngài đi vào thành để khát thực. Nếu bữa nào còn sớm quá chưa phải giờ thì Ngài ghé thăm một vị Phạm Chí hay một vị Bà La Môn nào đó để giải trừ những thắc mắc; hoặc giả giảng cho họ nghe về pháp tu khổ hạnh của họ, như thế như thế là không hợp với Đạo Lý. Có người nghe xong rồi liền quy y Tam Bảo và thọ trì 5 giới cấm. Có người xin xuất gia, có người yên lặng vì chưa rõ nghĩa. Dĩ nhiên trước đó thì đa phần những người này đều phản đối Đức Phật.

Sau đó Đức Phật đi vào thành khát thực theo thứ lớp, bất luận là giàu nghèo. Đây cũng là cơ hội để thí chủ có cơ hội trực tiếp cúng dường, đánh lễ và tiếp xúc với Tăng Đoàn của Đức Phật. Hôm nào có Vua Chúa hay Thí Chủ mời cúng dường từ một đến bảy ngày thì Đức Phật im lặng nhận lời và sáng sớm hôm sau, Ngài cùng Chư Tăng sửa y cùng bình bát, đi chân không đến địa điểm được mời. Thường thì Đức Phật được mời ngồi chỗ cao nhất và các vị Đệ Tử theo thứ lớp mà ngồi. Kế tiếp là tín chủ đánh lễ Phật và Chư Tăng, sau đó mang nước cho Phật rửa tay trước khi dùng ngọc. Sau khi dùng xong, rửa bình bát sạch sẽ, đoạn Ngài ngồi ngay ngắn để thuyết pháp và thường thì Tín Chủ cúng dường bữa ăn hôm ấy bắt một cái ghé nhỏ ngồi bên cạnh để nghe Phật khuyên bảo, dạy răn cũng như khuyến tấn.

Trong tất cả những lời dạy, hầu hết đều chứa đựng lòng từ bi và trí tuệ, hầu như không thể hiện một sự giận dữ nào, vì lẽ Đức Phật đã biết cái nhân trước đó là gì. Những lời dạy thật chí tình, chí lý, không ai chối cãi được. Bởi vì Ngài dùng trí tuệ để xét soi căn cơ của người đối diện; cho nên từng câu, từng chữ của Ngài đều hướng đến người kia để họ dễ tiếp thu lời dạy vàng ngọc của Đức Phật. Trên từ vua chúa, quan đại thần, Bà la môn; dưới đến những người kỹ nữ, gái mại dâm, người thợ rèn, kẻ nông phu v.v... ai nghe rồi cũng cảm thấy hoan hỷ và thọ trì những lời Phật dạy để chế ngự tâm dâm dục, hi nộ và si mê, tà kiến kia. Sở dĩ con người vẫn luôn bị những độc tố này gây hại, vì thiếu giữ giới thanh tịnh, thiếu lòng từ bi đối với muôn loài và thiếu trí tuệ để quán xét tự thân. Những giáo điều Đức Phật dạy cho những người đang mặc áo vàng hay mặc áo trắng chủ yếu là phải trở vào bên trong để quán

xét nội tâm của mình chứ không phải hướng ra bên ngoài để phê phán kẻ khác. Vì lẽ trước khi muốn cứu người, chính đương sự phải biết bơi trước.

Kinh Trường A Hàm Đức Phật dạy những bài học rất thiết thực cho cả người xuất gia lẫn tại gia; cho những cư sĩ thuần thành lẫn người ngoại đạo Bà La Môn. Những bản kinh căn bản thiết thực như thế, ai nghe qua cũng phải sinh tâm tầm quý, để từ đó biết hổ thẹn với tự tâm mà tu hành để được giác ngộ con đường phạm hạnh cao hơn thế nữa.

Một hôm Đức Phật đi đến giảng đường, ngồi lên chỗ ngồi đã dọn sẵn và bảo các vị Tỳ Kheo rằng :

„Này các Tỳ Kheo! Ta sẽ giảng cho các Thầy bảy pháp bất thối, các Thầy hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ“.

Các vị Tỳ Kheo bạch Phật :

„Kính vâng, bạch Đức Thế Tôn. Chúng con muốn nghe“.

Phật bảo các Tỳ Kheo :

„Này các Tỳ Kheo! bảy pháp bất thối là :

„**Một** - Thường hội họp luận bàn nghĩa lý chân chính, thời lớn nhỏ hòa thuận, mà chánh pháp không bị suy thoái.

„**Hai** - Trên dưới hòa đồng, kính thuận không trái, thời lớn nhỏ hòa thuận, mà chánh pháp không bị suy thoái.

„**Ba** - Trọng pháp, hiểu điều cấm kỵ, không trái quy chế, thời lớn nhỏ hòa thuận, mà chánh pháp không bị suy thoái.

„**Bốn** - Nếu có Tỳ Kheo nào có năng lực hộ chúng, có nhiều tri thức, nên được kính thờ, thời lớn nhỏ hòa thuận, mà chánh pháp không bị suy thoái.

„**Năm** - Niệm hộ tâm ý, lấy sự hiểu kính làm đầu, thời lớn nhỏ hòa thuận, mà chánh pháp không bị suy thoái.

„**Sáu** - Tịnh tu phạm hạnh, không chạy theo trạng thái dục, thời lớn nhỏ hòa thuận, mà chánh pháp không bị suy thoái.

„**Bảy** - Trước người rồi sau mình, không tham lam danh lợi, thời già trẻ hòa thuận, mà chánh pháp không bị suy thoái“.

Nếu chúng ta phân tích ra từng điểm một trong bảy điểm mà Đức Phật đã dạy cho các vị Tỳ Kheo thời Phật còn tại thế và so ra với thời nay, có những điểm nào chúng ta thực hiện trọn vẹn, còn những điểm nào không thực hiện được.

Điểm thứ nhất - Đức Phật thường thấy ngoại đạo phạm chí thường hay tụ họp; nhưng nói những chuyện thị phi nhon nghĩa, ví dụ như: chuyện chiến tranh, chuyện trai gái, chuyện ăn uống, chuyện buôn bán, chuyện tu khổ hạnh như thế này hay thế kia... Đây là những chuyện bất chánh. Vậy muốn làm cho chánh pháp không bị suy thoái và trên dưới hòa thuận nhau thì các vị Tỳ Kheo phải không làm những điều như trên mới có thể thực hiện lời dạy của Đức Phật được. Nghĩa là phải nói chân lý diệt khổ, mang lại sự an vui cho mọi người, chứ không phải những chuyện đàm tiếu của thế gian. Do vậy Tổ Quy Sơn bên Trung Hoa cũng có dạy trong luật Sa Di rằng :

„Khiết liễu tụ đầu, huyền huyền đản thuyết nhon gian tạp thoại; ... „bất kính thượng, trung, hạ tọa như Bà La Môn tụ hội vấn thù“.

Nghĩa : „Hay chụm đầu nhau lại, bàn nói luôn luôn chuyện thế gian càn dỡ, ... không tôn kính cao thấp thì cũng giống như những người Bà La Môn họp lại nói chuyện phiếm với nhau“.

Thiết nghĩ hơn 2500 năm sau khi Phật diệt độ, chúng ta đã thể hiện trọn vẹn tư tưởng và hành vi đức hạnh này được chăng; mỗi người trong chúng ta nên tự nhìn lại chính mình.

Điểm thứ hai - Rõ ràng là trong một đoàn thể mà không có cao thấp, tính theo hạ lập, mà bệ đầu ngồi đây, thì chẳng khác nào một phiên họp chợ của những người ngoại đạo. Nếu không có sự hòa đồng trên dưới thì chánh pháp sẽ khó mà tồn tại lâu dài.

Điểm thứ ba - Phải cung kính giáo pháp của Phật dạy. Ai hiểu được pháp, tức là người ấy hiểu được Phật; ai hiểu được Phật, người ấy sẽ hiểu được pháp. Đó là pháp Duyên Sanh. Phải tuân theo giới luật và không làm ngược lại những quy chế của Phật đã dạy. Người nào đi ra ngoài tinh thần giới luật, tức người ấy sẽ không được bảo hộ.

Điểm thứ tư - Trong xã hội nào từ xưa đến nay cũng vậy, người có năng lực trí tuệ và lòng từ đối với muôn loài thì người ấy phải luôn được tôn trọng và đề cao. Người ta không đề cao cái ác mà luôn ca ngợi cũng như xiển dương cái thiện. Có như thế chánh pháp mới không bị suy thoái và lớn nhỏ mới hòa thuận với nhau.

Điểm thứ năm - Mỗi người phải tự mình hộ trì chánh niệm trong khi đi, đứng, nằm, ngồi. Trong 4 oai nghi ấy phải luôn luôn giữ gìn và tỉnh thức thì chư Thiên và loài người sẽ bảo hộ và tôn kính. Bằng ngược lại thì chánh pháp sẽ không tồn tại được lâu dài.

Điểm thứ sáu - Các vị Tỳ Kheo không bị chi phối bởi sự khát ái. Bởi lẽ tình yêu là sợi dây ràng buộc, là muối mặn; càng uống vào càng khát thêm và con đã khát không có cuối cùng. Do vậy Tỳ Kheo phải biết dừng đúng lúc. Nếu không thì chánh pháp sẽ khó mà tồn tại lâu dài.

Điểm thứ bảy - Phải cung kính những bậc Trưởng Thượng, sau đó mới đến mình; quyết không có tâm tham lam danh lợi. Vì danh lợi là môi trường của thế gian, chứ không phải của người tu hành. Người tu hành mục đích là giải thoát sanh tử; chứ không phải vì lợi dưỡng của thế gian. Nếu không làm vậy thì chánh pháp sẽ không được tồn tại lâu dài.

Độc A Hàm (Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm và Tạp A Hàm) ta thấy những lời dạy thường hay lặp lại từ một đến ba lần và có những mẫu chuyện không phải do chính Đức Phật nói, mà do Ngài Xá lợi Phất hay Ngài A Na Luật nghe xong rồi theo lời dạy của Đức Phật tuyên nói lại cho Đại chúng nghe. Sở dĩ có việc lặp lại nhiều lần như vậy vì: Kẻ thượng căn thượng trí thì khi nghe xong rồi hiểu, hiểu rồi lại chứng quả ngay. Còn kẻ trung căn trung trí khi nghe xong rồi hiểu; nhưng việc hiểu ấy không đủ để chứng quả; nên phải nói lại hai hay ba lần. Còn kẻ hạ căn hạ trí thì nghe xong rồi chẳng hiểu, mà nếu có hiểu thì cũng hiểu sai ý của Phật; cho nên phải nói lại đến ba lần hay nhiều hơn thế nữa.

Và lại giáo lý của Đức Phật phải trải qua 5 giai đoạn mới thành thực, nhuần nhuyễn được.

Giai đoạn đầu ví như sữa bò mới lấy được từ thân bò sữa, hãy còn thô, chưa dùng liền được. Điều này cũng giống như người mới vào ngưỡng cửa của Đạo.

Giai đoạn hai gọi là Tô. Nghĩa là sữa ấy đã được tinh chế, đã bắt đầu nhuần nhuyễn cũng giống như người sau khi nghe pháp, bắt đầu ăn chay niệm Phật, giữ giới, làm lành.

Giai đoạn ba gọi là Sanh Tô. Nghĩa là sữa ấy đã được chế biến nhuần nhuyễn, mềm mại, thơm tho. Ý nói những người thực hành giáo pháp của Đức Phật đã đi đến chỗ tự nhiên, không gượng ép, bó buộc.

Giai đoạn thứ tư gọi là Thục Tô. Nghĩa là sữa ấy đã thuần thục, tuyệt hảo; không chê, không bỏ đi đâu được. Ý nói người theo Phật đã rõ lý nhân quả, tội phước... tất cả đều quay về mình để tấn tu Đạo nghiệp.

Giai đoạn thứ năm cũng là giai đoạn cuối cùng gọi là Đề Hồ. Đề Hồ cũng là sữa; nhưng sữa ấy đã trở thành chất ngon ngọt, bổ dưỡng, nuôi sống tự thân được. Đây là giai đoạn hoàn toàn thuần thục của người tu giải thoát; giống như lụa đã thành hình. Tơ ấy là con tằm, dâu, kén, nhộng; nhưng tơ là kết quả của những giai đoạn đã được gạn lọc như trên và ở đây

sữa cũng vậy. Nếu người xuất gia hay tại gia tu theo giáo pháp của Đức Phật mà hành trì miên mật và nhuần nhuyễn như những giai đoạn của sữa và lựa như trên thì ai trong chúng ta cũng sẽ có được những thành quả của tự thân thật là tuyệt vời.

Hình ảnh của những vị Cư sĩ đối với các vị Tu sĩ ở các xứ Nam Phương Phật Giáo vẫn còn gìn giữ được truyền thống như thời Phật còn tại thế. Ví dụ như tại Thái Lan, Lào, Cam Bốt, Tích Lan, Miến Điện v.v... khi Vua Chúa, Hoàng Hậu, Đại Thần đi ngang qua Chư Tăng, Chư Tăng không cần phải đứng dậy để tiếp rước, đón chào, mà ngược lại những vị này tỏ dấu hiệu cung kính, quỳ xuống hay cúi thấp mình xuống để đánh lễ Chư Tăng. Đây là một hình ảnh đẹp mà những xứ Nam Phương đã gìn giữ truyền thống ấy kể từ khi Đức Phật còn tại thế cho đến ngày nay.

Trong khi đó các xứ Bắc Tông Phật Giáo bị biến chất không ít. Có những Chư Tăng, Ni đang đảm trách những chức vụ của thế quyền. Do vậy khi những quan chức cao cấp hơn đến trước, phải đón tiếp, mời chào và phải tỏ rõ thái độ cũng như sự cung kính của một thuộc hạ. Như vậy hình ảnh chiếc y vàng của một chiến sĩ giải thoát không còn giữ nguyên giá trị nguyên thủy nữa. Nếu chúng ta không biết quay về với giới luật. Quả thật việc này về sau nữa sẽ dẫn tiếp những thế hệ kế thừa đi về đâu?

Mỗi tháng chúng tăng bố tát 2 lần hay sau mùa An Cư Kiết Hạ có ngày lễ Tự Tứ. Đây là những cơ hội để Chư Tăng, Ni tự nhìn lại bản thân mình để thúc liễm thân tâm và nỗ lực hành trì trong việc gìn giữ giới thân huệ mạng của người xuất gia. Kể từ năm 1995 trở lại đây đã có những nhu cầu và những sự thôi thúc để Tăng Ni Việt Nam đang sống tại Hải Ngoại thành lập những tổ chức, đoàn thể để chỉ làm những việc của Tăng như đã được trình bày; chứ không có một ý nghĩa nào khác; nhằm nâng cao cũng như củng cố nội bộ của Tăng Già. Đây là hình ảnh đẹp nhất để nói truyền lời dạy của Đức Phật tự ngàn xưa cho đến ngày nay và những thành quả ấy được thể hiện qua các khóa an cư, bố tát; các khóa tu học Phật Pháp được tổ chức tại các châu lục cũng như những cái mốc của lịch sử Phật Giáo Việt Nam ở Hải Ngoại như sau:

- Năm 1995 Tổ chức Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại được hình thành tại chùa Viên Giác Hannover - Đức quốc do Đại Hội toàn thể Chư Tăng Ni của GHPGVNTN Hải Ngoại thành lập.

- Năm 2007 Tổ chức Về Nguồn I tại chùa Pháp Vân, Toronto, Canada.

- Năm 2008 Tổ chức Về Nguồn II tại chùa Bát Nhã, Nam California, Hoa Kỳ.

- Năm 2009 Tổ chức Về Nguồn III tại Tu viện An Lạc, Bắc California, Hoa Kỳ.

- Năm 2010 Tổ chức Lễ Hiệp Kỳ chư lịch Đại Tổ Sư (Về Nguồn IV) tại Tu viện Viên Đức miền Nam nước Đức.

- Năm 2011 Tổ chức Lễ Hiệp Kỳ chư lịch Đại Tổ Sư (Về Nguồn V) tại chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp quốc.

- Năm 2012 sẽ Tổ chức Lễ Hiệp Kỳ chư lịch Đại Tổ Sư (Về Nguồn VI) tại chùa Pháp Hoa, Adelaide, Úc Đại Lợi.

Trên đây chỉ là cái mốc của những sự kiện đã xảy ra; nhưng mục đích của Tăng Già vẫn là sự hòa hợp. Khi sự hòa hợp chưa được đồng nhất thì chánh pháp không được lâu dài. Ước gì trong chúng ta; những người xuất gia ý thức được trách nhiệm là Trưởng Tử của Như Lai, thì công đức ấy thật không nhỏ.

Sau khi Tổ chức Lễ Hiệp Kỳ chư lịch Đại Tổ Sư (Về Nguồn V) vào tháng 9 năm 2011 vừa qua tại chùa Thiện Minh Lyon, Pháp quốc, chư Tăng Ni và Phật Tử đã hòa hợp thật sự. Có nhiều buổi hội thảo thật là sâu thẳm và đầy tình người cũng như đạo vị; nhất là khi nhắc đến gương hy sinh của Bồ Tát Thích Quảng Đức hay cái chết của cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh trong trại tù Hàm Tân do cộng sản Việt Nam giết hại vào năm 1979 và nhất là sự ra đi của cố Đại lão Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống của GHPGVNTN mới đây là một mất mát quá to lớn, không gì có thể hàn gắn lại được. Do vậy đã có nhiều giọt nước mắt

chạy dài để ngâm ngùi cho hoàn cảnh bi thương của Dân Tộc và Đạo Pháp. Tất cả cũng chỉ vì một GHPGVNTN tại quê nhà cũng như cho người con Phật xa quê không muốn bị thế tục hóa Giáo Hội ở trong cũng như ngoài nước qua nhiều hình ảnh khác nhau; cho nên Chư Tôn Đức mới không quảng ngại tuổi cao sức yếu và hoàn cảnh địa phương cách xa nhau, mỗi năm vẫn tập về một địa phương để làm nhiệm vụ của Tăng sai là vậy.

Nay Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt, Viện chủ chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp quốc cũng vừa là Trưởng Ban Tổ chức của Lễ Hiệp Kỳ chư lịch Đại Tổ Sư (Về Nguồn V) vừa rồi, muốn biên tập thành một kỷ yếu để ghi lại những sự kiện đã xảy ra trong thời gian ấy; nên kêu gọi Chư Tôn Đức Tăng Ni xa gần gửi bài vở đóng góp để tập kỷ yếu được có thêm nhiều màu sắc hơn. Do vậy tôi cũng xin tùy hỷ đóng góp bài viết này để nhằm thúc liễm cho chính mình và góp thêm cho tập kỷ yếu có được một tiếng nói trong nhiều tiếng nói khác.

Núi đồi Đa Bảo, vùng Blue Mountains, New South Wales, Úc Đại Lợi cuối tháng 12 năm 2011.